

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**  
**Năm báo cáo: 2018**

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
<b>I. Thông tin chung</b>	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5. Định hướng phát triển	11
6. Các rủi ro	12
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm 2018</b>	14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tổ chức và nhân sự	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	26
4. Tình hình tài chính	27
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	28
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	29
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc</b>	31
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	31
2. Tình hình tài chính	32
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	34
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	34
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	35
<b>IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	36
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	36
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	37
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	37
<b>V. Báo cáo quản trị Công ty</b>	38
1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	38
2. Ban kiểm soát	39
<b>VI. Báo cáo tài chính</b>	40

**I. THÔNG TIN CHUNG:****1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/01/2016
- Vốn điều lệ: 15.775.000.000đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.775.000.000đồng
- Địa chỉ: 196 Hải Phòng, P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Số điện thoại: 0511.3821785
- Số fax: 0511.3893082
- Website: [quanlyduongsatqndn@vnn.vn](mailto:quanlyduongsatqndn@vnn.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): DNR

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Trước năm thành lập: Là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thực hiện công tác quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế. Năm thành lập: Từ Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế được chuyển thành doanh nghiệp hoạt động công ích theo Quyết định số: 878/1998/QĐ-TCCB-LĐ ngày 17/4/1998.

- Ngày 20/3/2003 Bộ giao thông vận tải Chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 734/2003/QĐ-BGTVT.

- Ngày 29/6/2010 Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã có quyết định chuyển đổi Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 712/QĐ-ĐS.

- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng có Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 9.574.902.070 đồng (Chín tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm linh hai nghìn, không trăm bảy mươi đồng). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/09/2013.

- Đến ngày 08/01/2015, Bộ giao thông vận tải có quyết định số:64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

- Trên cơ sở đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa, hình thức cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo Quyết định số 2351/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng khi cổ phần hóa là: 15.775.000.000 đồng (Mười lăm tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/01/2016.



- Ngày 24/6/2016 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng trên thị trường UPCoM.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

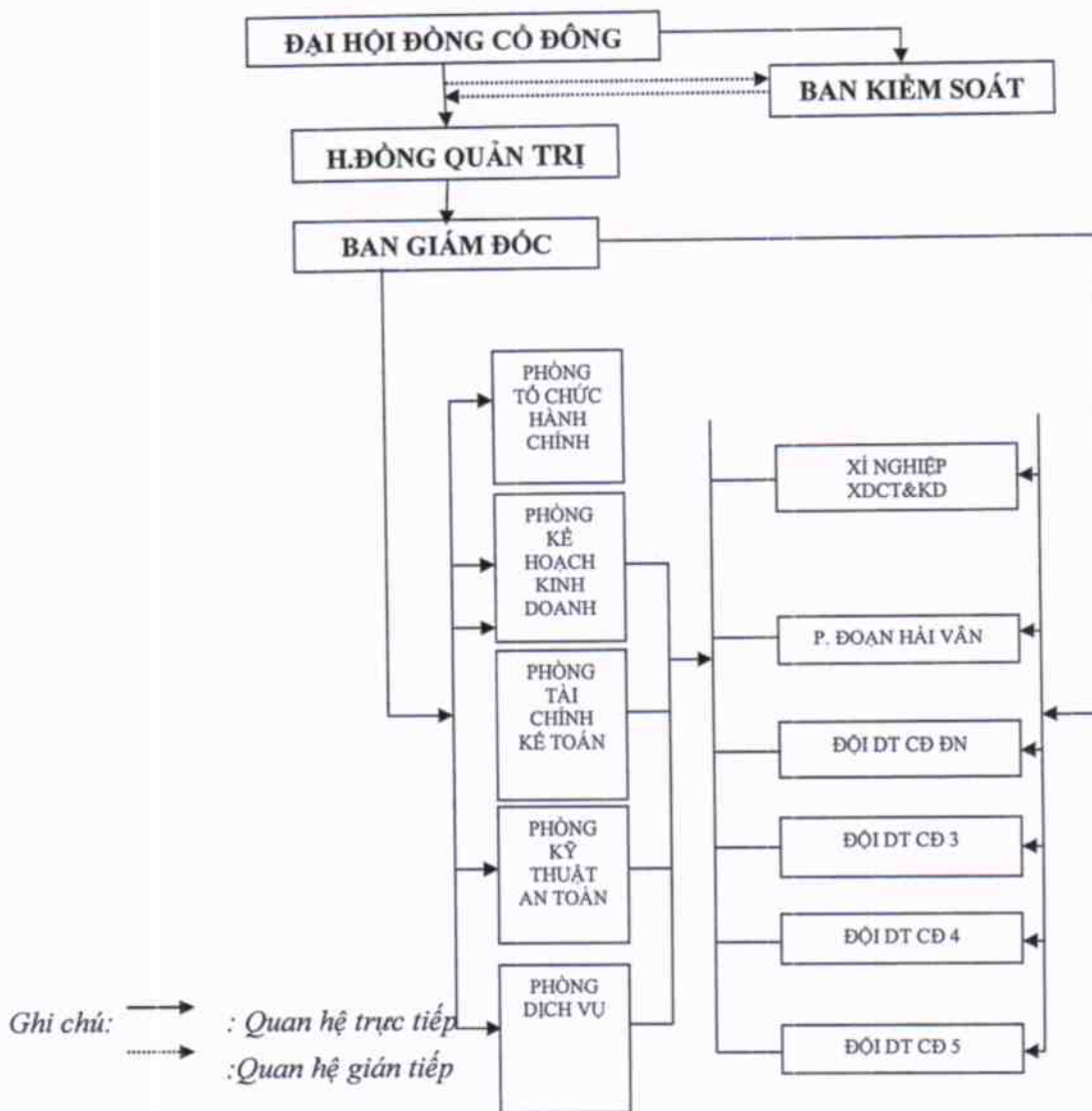
TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
2.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt. Xây dựng công trình đường bộ. Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.	4210(chính)
3.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp vận tải đường sắt, đường bộ Chi tiết: Tổ chức ứng phó thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông	5221
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch	5510
6.	Bén buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu	4669
7.	Kiểm tra phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu	7120
8.	Xây dựng công trình công ích	4220
9.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
10.	Hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng; tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình giao thông, dân dụng.	7110
11.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và gạch cao (không hoạt động tại trụ sở chính)	2395
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất cấu kiện kim loại, kết cấu thép (không hoạt động tại trụ sở chính)	2511
15.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khoáng sản, kim loại (không hoạt động tại trụ sở chính)	2399
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4752

\* Địa bàn kinh doanh: hoạt động chủ yếu ở tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng

**4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban giám đốc.

**SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**



\* Bộ máy quản lý của Công ty như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:



Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

- **Ban điều hành:**

+ **Giám đốc:** Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

+ **Các Phó Giám đốc:** Giúp việc cho Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

+ **Kế toán trưởng:** Giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính- kế toán của Công ty theo

sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

**- Các phòng, ban chức năng:**

➤ **Phòng Kỹ thuật – An toàn**

**- Chức năng**

- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý kỹ thuật, giám sát an toàn chạy tàu, quản lý đất đai trong phạm vi công ty;
- Xây dựng, phổ biến, kiểm tra thực hiện quy trình quy phạm kỹ thuật;
- Lập phương án, thiết kế sửa chữa, gia cố các công trình dọc tuyến;
- Tham mưu cho giám đốc về công tác đảm bảo ATCT, KHKT, PCBL;
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý phạm vi bảo vệ công trình Đường sắt, hành lang ATGTĐS, giám sát an toàn chạy tàu.

**- Nhiệm vụ**

- Kiểm tra thường xuyên định kỳ, đột xuất trạng thái cầu đường phát hiện kịp thời những biến dạng uy hiếp đến ATCT, tham mưu cho Giám đốc biện pháp xử lý khắc phục để đảm bảo ATCT.
- Tham gia vào công tác điều tra, nghiệm thu SCTX, chỉ đạo thực hiện KHSX
- Lập phương án thi công, biện pháp đảm bảo an toàn cho công tác thi công các công trình.
- Chỉ đạo kỹ thuật, giám sát chất lượng. Nghiệm thu các công trình sửa chữa thường xuyên, khẩn cấp, sửa chữa lớn cầu, đường, ghi.
- Kiểm tra việc thực hiện QTQP của các chức danh tuần gác, các địa điểm thi công trên tuyến.
- Tổ chức hướng dẫn đo đạc, kiểm nghiệm, định lượng các công trình để chủ động trong việc lập hồ sơ hoàn công công trình .
- Hàng quý tổ chức phúc tra để đánh giá trạng thái cầu, đường, ghi và các mặt quản lý khác của các cung cầu, đường, chắn trong công ty.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch các công trình cầu, đường, kiến trúc, đất đai trên tuyến
- Lập báo cáo định kỳ về công tác quản lý kỹ thuật.
- Thường trực tổ chức hội nghị ATCT, PCBL, chống xóc lắc của công ty.
- Theo dõi phạm vi bảo vệ Đường sắt và hành lang ATGT đường sắt được quy định trong Luật đường sắt, Nghị định 39/CP và các thông tư nghị định, văn bản khác hướng dẫn về ATGT đường sắt.
- Đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị kiểm tra, theo dõi phát hiện, ngăn chặn kịp thời những vi phạm đe dọa đến an toàn các công trình giao thông đường sắt.



- Quan hệ với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... phối hợp tuyên truyền đến toàn dân nâng cao ý thức bảo vệ hành lang ATGT đường sắt, ý thức chấp hành luật lệ ATGT đường sắt.
- Tham mưu cho lãnh đạo soạn văn bản báo cáo định kỳ, đột xuất với địa phương, với ngành về công tác ATGT đường sắt.
- Phối hợp với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... các lực lượng chức năng khác tuyên truyền, giải toả, xử lý những vi phạm hành lang ATGT đường sắt

➤ **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

– **Chức năng**

- Tổ chức, quản lý, điều hành thực hiện công tác kế hoạch phục vụ SXKD của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý vật tư, máy móc thiết bị của công ty.

– **Nhiệm vụ**

- Lập kế hoạch SXKD kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật tháng, quý, năm, công tác vật tư, tham mưu cho giám đốc về chiến lược SXKD của Công ty.
- Kết hợp với các đơn vị, các phòng chức năng để thanh toán SCTX tháng, quý, năm và thực hiện nhiệm vụ chung của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng kinh tế về kế hoạch sản xuất, kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty về thanh quyết toán các công trình.
- Tham mưu cho giám đốc Công ty thanh lý các hợp đồng kinh tế về xây lắp và mua sắm vật tư, thiết bị.
- Lập các dự án về mua sắm vật tư, thiết bị, dự án xây dựng các công trình.
- Tham gia xây dựng định mức lao động nội bộ công ty.
- Xây dựng nội qui, qui chế về quản lý sử dụng vật tư, thiết bị máy móc trong công ty.
- Phân tích đánh giá báo cáo kết quả về công tác quản lý vật tư thiết bị.
- Đề xuất các phương án nghiên cứu khoa học kỹ thuật cải tiến đổi mới thiết bị.
- Phát hiện đề nghị điều chỉnh hoặc đình chỉ những hoạt động kỹ thuật trái với qui định đề phù hợp với tình hình sản xuất của đơn vị.
- Mua sắm, cấp phát vật tư kịp thời cho công tác SCTX và các công trình.
- Quan hệ mật thiết các phòng nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của công ty để thống nhất số liệu, giải quyết tốt những vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ.
- Ngoài ra trực tiếp tham gia mua sắm một số vật tư quan trọng và máy móc thiết bị của công ty.



- Kiểm soát xuất nhập hàng hoá vật tư sắp xếp hàng hoá trong công ty, tổ chức bốc xếp, vận chuyển vật tư trong nội bộ công ty.
- Tham gia xây dựng, sửa đổi định mức lao động phù hợp với thực tế của công ty

➤ **Phòng Tổ chức Hành chính**

– **Chức năng**

- Tham mưu cho Giám đốc về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động, công tác bảo vệ an ninh trật tự và công tác bảo vệ vật tư, thiết bị đường sắt ở các đơn vị.
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác hành chính, quản trị thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ và quản lý nhà ở tập thể, nhà làm việc của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý Y tế và chăm sóc sức khoẻ cho CBCNV.

– **Nhiệm vụ**

- Chủ trì nghiên cứu đề xuất và chỉ đạo tổ chức thực hiện các công việc được phân công trên cơ sở các quy định của nhà nước của ngành, gồm các việc
- Xây dựng cơ cấu và tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng cơ cấu lao động, định biên của các đơn vị, bộ phận.
- Tổ chức việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch BHLĐ và các kế hoạch khác theo quy định.
- Xây dựng nội qui, qui chế phương án làm việc và biện pháp thực hiện.
- Tham mưu cho lãnh đạo về quản lý nhân lực bố trí đủ, đúng cán bộ, nhân lực cho các phòng, các đội sản xuất thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thường trực Hội đồng xây dựng định mức lao động nội bộ của Công ty.
- Triển khai hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước và của ngành về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động đến toàn thể CBCNV.
- Quan hệ mật thiết với các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của doanh nghiệp để thống nhất về số liệu giải quyết tốt những vấn đề về nghiệp vụ chuyên môn.
- Xây dựng kế hoạch công tác bảo vệ an ninh trật tự hàng năm.
- Quan hệ các đơn vị địa phương để thực hiện tốt công tác bảo vệ đường sắt.
- Quản lý nghiệp vụ Hành chính, tham mưu và tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ.
- Tham mưu đề xuất và tổ chức thực hiện công tác Lễ nghi, khánh tiết.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát tổ, nhóm, cán bộ công nhân viên làm việc hàng ngày, đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời.

- Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư lưu trữ theo quy định.
- Lập kế hoạch tổ chức công tác phục vụ đời sống và mua sắm thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.
- Phối hợp với các phòng ban tham mưu giúp Giám đốc tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt hiệu quả.
- Tăng cường kiểm tra các phương tiện BHLĐ, môi trường và điều kiện làm việc, lao động để giảm bớt tối thiểu về TNLĐ. Đề xuất các biện pháp phòng và khống chế bệnh nghề nghiệp.
- Thường trực cấp cứu các trường hợp bị tai nạn do bệnh tật, lao động.
- Quản lý sức khoẻ theo đúng đối tượng cùng với y tế tuyến trên khám sức khoẻ định kỳ hằng năm, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám tuyến dụng lao động. Lập hồ sơ quản lý sức khoẻ CBCNV.
- Quản lý hồ sơ y tế.
- Quản lý dược và tài sản Công ty trang bị cho phòng
- Quản lý các chức danh thuộc phòng quản lý.

#### ➤ Phòng Tài chính Kế toán

##### – Chức năng

- Quản lý tài chính của công ty : Quản lý vốn và Quản lý TSCĐ.
- Thống kê hạch toán kinh tế của công ty.

##### – Nhiệm vụ

- Hướng dẫn, đôn đốc; kiểm tra và thu nhập đầy đủ, kịp thời tất cả chứng từ kế toán của công ty.
- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ, có chất lượng mọi nội dung công việc kế toán của công ty.
- Giúp giám đốc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phân tích mọi hoạt động tài chính của công ty. Kiểm tra kế hoạch thu chi để phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những hành động vi phạm chế độ tài chính của nhà nước.
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty công tác thu hồi vốn của các công trình trong và ngoài sản xuất chính.
- Ngoài ra còn phải tham gia công tác kiểm kê TSCĐ và tổ chức bảo quản lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo qui định.

#### ➤ Phòng Dịch vụ

##### – Chức năng

Chịu trách nhiệm về công tác quản lý các loại hình kinh doanh, dịch vụ, thương mại của Công ty như sau: Sân Tennis, sân cầu lông, bóng bàn các nhà khách, nhà nghỉ, các ki ốt, tạp hóa, vật liệu xây dựng, nhà hàng.....



- **Nhiệm vụ**
  - o Xây dựng phương án, kế hoạch kinh doanh dịch vụ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
  - o Phối hợp với các phòng ban xây dựng quy chế của công ty quản lý kinh doanh dịch vụ.
  - o Tổ chức thực hiện phương án kinh doanh dịch vụ theo kế hoạch đã được Công ty phê duyệt.
  - o Thực hiện các quy định về công tác quản lý tài chính, tổ chức nhân sự, kế hoạch, vật tư, máy móc thiết bị... theo pháp luật hiện hành và quy chế của Công ty.
  - o Sử dụng có hiệu quả các máy móc thiết bị

### **5. Định hướng phát triển:**

#### **- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

+ Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, không để tai nạn trở ngại chậm tàu do chủ quan gây ra.

+ Hoàn thành kế hoạch sửa chữa thường xuyên, sửa chữa khẩn cấp đảm bảo an toàn.

+ Tiếp tục duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

+ Giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu, bảo quản cầu đường.

+ Thi công các công trình ngoài

+ Đảm bảo an toàn lao động, không để xảy ra tai nạn lao động chết người.

#### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

+ Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phần đầu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải bánh sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn;

+ Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

#### **- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

+ Mục tiêu đối với môi trường: Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát



triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng các trang bị, đầu tư các các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

+ Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng: Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương.

#### **6. Các rủi ro:**

##### **- Rủi ro kinh tế :**

Năm 2018 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế thế giới. Thương mại toàn cầu sụt giảm, điều kiện tài chính toàn cầu đang có xu hướng thắt chặt hơn, lãi suất cơ bản của Mỹ tăng cao hơn, đồng USD mạnh hơn, biến động thị trường tài chính toàn cầu phức tạp hơn đã và đang tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu.

Ngược lại với xu hướng tăng trưởng toàn cầu, năm 2018, nền kinh tế Việt Nam có nhiều cột mốc kinh tế nổi bật. Điển hình là tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, ở mức 7,08% - cao hơn tăng trưởng mục tiêu được đặt ra trong năm 2018 là 6,8%. Mặt khác, nhà nước đã rất cố gắng trong việc kiểm soát lạm phát trong năm 2018 và tốc độ lạm phát được đo lường bằng chỉ số giá tiêu dùng cũng được duy trì ở mức 3,54%, đạt lạm phát mục tiêu dưới 4%.

Công ty là một cá thể trong nền kinh tế, nên mọi biến động kinh tế vĩ mô trên thế giới và trong nước đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cần phải thường xuyên cập nhật tình hình kinh tế lẫn chính trị để đưa ra các chiến lược trung và dài hạn phù hợp.

##### **- Tình hình chung ngành đường sắt năm 2018:**

Trong năm 2018, vận tải đường sắt đã có tăng trưởng ấn tượng, chất lượng dịch vụ đã được nâng cao hơn, nhiều sản phẩm được khách hàng ghi nhận, công nghiệp đường sắt có nhiều khởi sắc. Sau những nỗ lực đổi mới, vận tải đường sắt đã có bước tăng trưởng khá sau thời gian sụt giảm với doanh thu tăng 8%. Bên cạnh đó, ngành đường sắt vẫn có nhiều khó khăn chưa giải quyết được như cơ sở hạ tầng đã xuống cấp sau một thời gian dài khai thác. Để khắc phục vấn đề trên, Tổng công ty đường sắt Việt Nam đã xuất được quốc hội phê chuẩn 4 dự án cấp thiết cải tạo tuyến đường sắt Hà Nội – Hồ Chí Minh với số tiền đầu tư là 7.000 tỷ đồng cho công tác nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng.

Về an toàn giao thông, qua thống kê sơ bộ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, tai nạn đường sắt xảy ra 267 vụ, giảm 79 vụ (-22,8%). Trong đó, do khách quan 257 vụ, giảm 77 vụ (-23%); do chủ quan 10 vụ, giảm 2 vụ (-16,7%); làm chết 124 người, giảm 27 người (-17,9%); làm bị thương 184 người, giảm 43 người (-18,9%) . Để đạt những kết quả tích cực trong công tác giao thông, ngành vận tải đường sắt đã siết chặt các giải pháp ngăn ngừa tai nạn, sự cố do chủ quan, trong đó đẩy mạnh áp dụng công nghệ để tăng cường giám sát

##### **- Rủi ro đặc thù ngành đường sắt:**

+ Ngành đường sắt là ngành luôn có một số đặc thù trong hoạt động quản lý và bảo dưỡng đường sắt như cần có độ chính xác cao, có tính chất lưu động và tồn tại những nguy hiểm độc hại có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động khi phải làm việc trong tình trạng ô nhiễm.

+ Để phát triển đường sắt ở Việt Nam thì trước hết rất cần đến các nguồn vốn hỗ trợ từ chính phủ, ngân hàng và các tổ chức quốc tế. Khi thiếu hụt nguồn vốn trong thời gian dài, Việt Nam đã có rất nhiều sự lạc hậu so với đường sắt trên toàn thế giới như thiếu đồng bộ, máy móc cũ kỹ, đường sắt không đảm bảo được chất lượng kỹ thuật cũng như không được bảo dưỡng thường xuyên. Vì vậy, ngành đường sắt Việt Nam rất cần vốn để nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ cấu đường sắt và hệ thống máy móc để phục vụ cho vận tải đường sắt ngày càng tốt hơn.

+ Đối với khách hàng, đường sắt đã ra đời từ rất lâu tại Việt Nam và cũng đã đóng góp một vai trò trong một loại hình dịch vụ di chuyển hoặc vận tải đối với các cự ly trung bình và dài ở thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, do tính chất của ngành đường sắt rất tốn kém. Vì vậy, ngành đường sắt cũng phải cố gắng để cạnh tranh đáp ứng được các tiêu chí chất lượng, thời gian, an toàn và tiện lợi.

+ Đối với các loại hình dịch vụ khác, hiện nay các phương tiện khác ngày càng được phổ biến hơn do nhu cầu của người dân ngày càng đa dạng cùng với mức giá cả hợp lý và cạnh tranh đã có thể thu hút hơn trong việc sử dụng các loại hình như hàng không, đường bộ,.. Đường sắt cũng gặp bất lợi với tính chất vận chuyển không được linh hoạt hơn so với hàng không và đường bộ, do không thể đưa hàng hóa đến tận tay người dùng mà phải theo trạm dừng cố định.

+ Đối với các đối thủ cạnh tranh, các công ty đường sắt có cơ chế đấu thầu nhằm tạo tính công khai minh bạch nhằm khắc phục những khó khăn ngân sách nhà nước để đầu tư vào các cự ly phát triển đường sắt. Các công ty phải cạnh tranh, khẳng định vị thế và giá trị mang lại đến cho khách hàng.

+ Ý thức của người dân vẫn còn kém khi mà không nhận thức được sự an toàn đã lấn chiếm các làn đường sắt gây ảnh hưởng đến giao thông và có khả năng gây tai nạn cao. Tình hình này dù đã được phổ biến rất nhiều nhưng người dân vẫn còn chưa đủ nhận thức để phát hiện ra những tiềm ẩn tai nạn này.

**- Rủi ro giá nguyên vật liệu:**

Các nguyên liệu và vật tư là các chi phí trọng yếu trong hoạt động công ty trong lĩnh vực đường sắt. Vì vậy những thay đổi về các chi phí nguyên liệu đầu vào có thể làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty không được như mong đợi. Để hạn chế những tác động của rủi ro giá nguyên vật liệu, Công ty luôn giữ mối quan hệ tốt với nhà cung cấp để có nguồn hàng ổn định với mức giá cạnh tranh.

**- Rủi ro luật pháp:**



Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều được điều tiết bởi hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Đường sắt,... và các văn bản dưới luật. Đặc biệt năm 2018, đường sắt có hai bước ngoặt lớn có tính chiến lược, đó là Luật Đường sắt sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1/1/2018 và chuyển Tổng công ty Đường sắt Việt Nam từ Bộ Giao thông vận tải về Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Những thay đổi về yếu tố pháp lý đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến công ty. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty luôn chú trọng cập nhật những thay đổi pháp luật hiện hành để đưa ra các chiến lược quản trị và kinh doanh phù hợp.

**- Rủi ro khác:**

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng. Mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng cách thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết, đề ra cách phòng tránh thiên tai, cháy nổ để ứng phó kịp thời với những trường hợp bất khả kháng, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

*ĐVT: Triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2018/Năm 2017 (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.993	99,16%	129.034	99,78%	115,22%
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác	946	0,84%	280	0,22%	29,60%
<b>Tổng cộng</b>	<b>112.939</b>	<b>100,00%</b>	<b>129.314</b>	<b>100,00%</b>	<b>114,50%</b>

Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có sự thay đổi tích cực so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 129,03 tỷ đồng tăng 15,22% so với cùng kỳ năm 2017. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác giảm 70,4% so với năm 2017 đạt 280 triệu đồng. Nhìn chung, doanh thu trong năm 2018 đã đạt kế hoạch đề ra và giữ được mức ổn định.

Mặc dù, giá vốn đầu vào cao chiếm khoảng 84,08% doanh thu thuần, nhưng với chính sách ổn định nguyên liệu đầu vào bởi nguồn một số vật tư do Công ty tự gia công, sản xuất cung cấp để phục vụ cho nhiệm vụ đảm bảo trạng thái kỹ thuật của cầu đường và an toàn giao thông đường sắt, Công ty còn xây dựng các mối quan hệ tốt với các nhà cung ứng, hợp đồng với các nhà cung ứng thông qua chào hàng cạnh tranh rộng rãi theo quy định của Pháp luật, gồm: Công ty cổ phần đá Chu Lai, Công ty cổ phần cơ khí đường sắt Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV vật tư Đường sắt Đà Nẵng, Công ty TNHH vật tư Đường sắt Nghệ Tĩnh... Vì vậy, giá vốn hàng bán được duy trì ổn định



(tăng khoảng 12,43% so với năm trước), nằm trong sự kiểm soát và dự tính của Công ty.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Tý	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT – Giám đốc
3	Ông Huỳnh Văn Sơn	Thành viên HĐQT- Phó GD

### Lý lịch Hội đồng quản trị

<b>Ông: Nguyễn Văn Tý</b>	Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
Giới tính:	Nam
Ngày sinh	03/07/1960
Số CMND	201358848 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 24/2/2011
Nơi sinh	Khánh Lợi - Tam Điệp - Hà Nam Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	12-14 Nguyễn Thái Bình, TP ĐN
Số điện thoại liên lạc	0913404632
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường sắt
Quá trình công tác:	
- Từ T5/1987-T11/1997	Kỹ thuật viên - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T12/1997- T8/1998	Phó phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/1998-T5/2001	Phó Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2001 - T10/2002	Quyền Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ 11/2002 - T 7/2003	Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T12/2010	Giám Đốc Công ty Quản lý Đường sắt Quảng

	Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Chủ Tịch Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	16.320 CP (chiếm 1,03% VDL)
Số cổ phần đại diện sở hữu nhà nước	402.263 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT Đường sắt Việt Nam, chiếm 25,50% Vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

<b>Ông: Nguyễn Xuân Bình</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT</b>
Giới tính	Nam
Ngày sinh	30/12/1958
Số CMND	201372310 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 14/4/2011
Nơi sinh	An Khê - Thành phố Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	194B Hải Phòng- Phường Tân Chính - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913404950
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu hầm
Quá trình công tác:	
- Từ T3/1981 - T12/1989	Kỹ thuật viên
- Từ T1/1990- T10/2002	Đội trưởng
- Từ T11/2002- T7/2003	Phó Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003- T12/201007/2009	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý

- 12/2011	Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T1/2011 - T12/2015	Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T1/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu cá nhân	16.793CP chiếm 1,06% VDL		
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	402.262 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT Đường sắt Việt Nam, chiếm 25,50% Vốn điều lệ)		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		
Những khoản nợ đối với Công ty	Không		
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua		
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:			
<b>Họ tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số CMT</b>	<b>Số cổ phần sở hữu</b>
Đỗ Thị Nụ	Vợ	200877715	2.480 cổ phần tương ứng 0,16% / VDL

<b>Ông: Huỳnh Văn Sơn</b>	<b>Chức vụ: Thành viên HĐQT- kiêm PGĐ</b>
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/11/1962
Số CMND	200084911 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 15/3/2015
Nơi sinh	Hải Châu 2 - Thành phố Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	K572/136 Ông Ích Khiêm - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913403957
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường sắt
Quá trình công tác:	
- Từ T5/1982 - t10/1992	Kỹ thuật viên
- Từ T11/1992 - T3/2000	Cán sự phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Quản lý



	Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2000 - T7/2003	Phân đoạn phó - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T11/2005	Phân đoạn phó - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T12/2005 - T12/2010	Phó Giám Đốc Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	12.022 CP (chiếm 0,76% VDL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

### 2.2. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Xuân Bình	Giám Đốc
2	Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc
3	Kiều Thường	Phó Giám đốc
4	Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc
5	Phan Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

### Lý lịch Ban điều hành

<b>Ông: Nguyễn Xuân Bình</b>	<b>Chức vụ: Giám đốc</b>
Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị	

<b>Ông: Huỳnh Văn Sơn</b>	<b>Chức vụ: Phó Giám đốc</b>
---------------------------	------------------------------

Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị

<b>Ông Kiều Thường</b>	<b>Chức vụ: Phó Giám đốc</b>
Ngày sinh	12/02/1961
Số CMND	201030640 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/10/2007
Nơi sinh	Điện Nam - Điện Bàn - Quảng Nam - Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	H27/K72/02 Đinh Tiên Hoàng - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0914169417
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường
<b>Quá trình công tác:</b>	
- Từ T8/1979- T8/1982	Công nhân - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/1982 - T4/1986	Bộ đội trung đoàn 94
- Từ T5/1986 - T2/2001	Công nhân - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T3/2001 - T7/2003	Kỹ thuật viên phòng Kỹ Thuật - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T8/2004	Kỹ thuật viên phòng Kỹ Thuật - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/2004 - T12/2010	Phó phòng Kỹ thuật
- Từ T1/2011 - T3/2011	Phân đoạn trưởng Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	12.706CP (chiếm 0,81% VDL )
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không



Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

<b>Ông Huỳnh Văn Việt</b>	<b>Chức vụ: Phó Giám đốc</b>
Giới tính	Nam
Ngày sinh	09/10/1962
Số CMND	200997091 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2011
Nơi sinh	Thị xã Đông Hà
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	180/18 Ông Ích Khiêm - Phường Tam Thuận - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913407308
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quá trình công tác:	
- Từ T8/1981 - T6/1987	Thợ điện Xí Nghiệp Đầu Máy
- Từ T7/1987 - T12/1989	Hợp tác lao động nhà máy xe lửa - Bungari
- Từ T1/1990 - T1/2000	Thợ điện ga Đà Nẵng
- Từ T2/2000 - T3/2001	Nhân viên phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2001 - T7/2003	Phó phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T5/2009	Phó phòng Vật tư - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2009 - T12/2010	Giám Đốc - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	14.502CP (chiếm 0,92% VDL)

## Báo cáo thường niên

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

<b>Bà Phan Thị Lan Hương</b>	<b>Chức vụ: Kế toán trưởng</b>
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	20/12/1976
Số CMND	201245946 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 17/7/2012
Nơi sinh	Tam Phú - Tam Kỳ - Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	162/6A Đống Đa - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0905337911
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T1/1999 - T5/2002	Kế toán viên - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2002 - T7/2003	Chuyên viên tiền lương - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T10/2007	Chuyên viên tiền lương - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T11/2007 - T11/2008	Kế toán viên
- Từ T12/2008 - T12/2010	Phó phòng kế toán
- Từ T1/2011 - T6/2013	Phó phòng kế toán - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T7/2013 - T12/2015	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không



Số cổ phần sở hữu cá nhân	5.716CP (chiếm 0,36% VDL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

### 2.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Võ Thị Hồng Linh	Thành viên ban kiểm soát
3	Ông Đỗ Quốc Khánh	Thành viên ban kiểm soát

#### Lý lịch Ban kiểm soát:

<b>Bà: Nguyễn Thị Thu Hương</b>	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	30/9/1975
Số CMND	201274003 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 18/9/2007
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 77/26D Lê Độ - Phường Tân Chính - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0915852987
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T10/1996 - T7/2003	Thống kê - Xi nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T12/2005	Thống kê - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2006 - T12/2010	Phó phòng Tổng hợp - Xi nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty

	Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T1/2011 - T5/2012	Phó phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T6/2012 - T12/2015	Kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Từ T1/2016 đến nay	Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không		
Số cổ phần sở hữu cá nhân	3.316CP (chiếm 0,21% VDL)		
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0CP		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		
Những khoản nợ đối với Công ty	Không		
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không		
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần			
<b>Họ tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số CMT</b>	<b>Số cổ phần sở hữu</b>
Phạm Trung Kiên	Chồng	201615005	1.520 cổ phần tương ứng 0,10% / VDL

<b>Bà Võ Thị Hồng Linh</b>	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	23/01/1974
Số CMND	201338948 Công an Đà Nẵng cấp ngày 23/02/2012
Nơi sinh	Bắc Thái, Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	180/12 Ông Ích Khiêm, P.Tam Thuận, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0912400545
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	



- Từ T11/1995 - T3/2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch vật tư - Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng
- Từ T3/2002 - T12/2015	Chuyên viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 - T9/2017	Chuyên viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.520 CP (chiếm 0,10% VDL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không
<b>Ông : Đỗ Quốc Khánh</b>	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/9/1960
Số CMND	201646325 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/3/2009
Nơi sinh	Bệnh viện 108 Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 6 Đường Bầu Hạc 5 - Phường Vĩnh Trung - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913459889
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt
Quá trình công tác:	

- Từ T5/1985 - T3/1987	Tập sự trực ban chạy tàu Ga Đà Nẵng
- Từ T4/1987 - T12/1989	Trực ban chạy tàu Ga Đà Nẵng
- Từ T1/1990 - T3/1993	Nhân viên Kế hoạch vật tư Ga Đà Nẵng
- Từ 4/1993 – T12/1997	Phó phòng Kế hoạch Ga Đà Nẵng
- Từ T11/1998 - T9/2003	Phó phòng Kế hoạch vật tư
- Từ T10/2003- T12/2012	Chuyên viên văn phòng đại diện Tổng công ty ĐSVN
- Từ T1/2013- T12/2015	Chuyên viên Tổng công ty ĐSVN - Hà Nội
- Từ 27/12/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
- Từ 1/1/2016- 31/1/2016	Chuyên viên Phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng,
- Từ T2/2016- T3/2016	Chuyên viên Phòng Dịch Vụ - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2016 đến nay	Phó phòng Dịch Vụ - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát Phó phòng kinh doanh dịch vụ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 CP
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

**2.4. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành:**

Năm 2018, không có thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty.

**2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với**



người lao động:

\* Số lượng CBCNV trong công ty (đến ngày 31/12/2018)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>577</b>	
1	Trên đại học		
2	Đại học	48	8.32%
3	Cao đẳng		
4	Trung cấp	8	1.39%
5	CNKT	521	90.29%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>577</b>	
1	Hợp đồng có xác định thời hạn		
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	577	100.00%
3	Hợp đồng theo thời vụ		
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>577</b>	
1	Nam	376	65.16%
2	Nữ	201	34.84%

\* Chính sách đối với người lao động: gồm chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, ...:

Công ty luôn đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc. Công ty thực hiện chế độ khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Công ty, của ngành, của Nhà nước.

Đồng thời, Công ty luôn chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác...

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2018, Công ty đầu tư thực hiện mua mới một số TSCĐ phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh như sau:

- Máy chèn đường cầm tay (02 cái), tổng giá trị: 890.909.091, đồng
- Xe tải cầu (01 xe); tổng giá trị: 1.205.960.000, đồng
- Nhà làm việc CCD Thanh Khê; tổng giá trị XD: 1.673.466.427, đồng
- Đất CCD Thanh Khê (thuê 50 năm); tổng giá trị: 840.283.557, đồng

**4. Tình hình tài chính**

## a) Tình hình tài chính

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	57.418.636.579	63.958.962.332	111,39%
Doanh thu thuần	111.993.193.682	129.034.031.073	115,22%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.379.903.561	5.012.302.325	210,61%
Lợi nhuận khác	190.241.754	-1.671.099.499	-878,41%
Lợi nhuận trước thuế	2.570.145.315	3.341.202.826	130,00%
Lợi nhuận sau thuế	1.812.927.908	2.410.911.926	132,98%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	845	1.090	128,99%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0		

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,39	1,18
+ Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	1,03	0,96
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,07	71,01
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	223,30	244,99

<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	5,78	9,64
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,95	2,02
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,62	1,87
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,21	13,00
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,16	3,77
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,13	3,88

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### 5.1. Cổ phiếu:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.577.500 CP
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 0 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/CP

#### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

\* Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty gồm 01 cổ đông:

Tên Cổ đông là: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, chiếm giữ 51% vốn CP

Địa chỉ: 118 Lê Duẩn, TP Hà Nội.

\* Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	804.525	51,00%		0	804.525	51,00%
2. Cổ đông nội bộ:	82.895	5,25%			82.895	5,25%



(Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)						
<b>3. Cổ đông trong công ty:</b>	<b>690.080</b>	<b>43,75%</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>690.080</b>	<b>43,75%</b>
Cổ phiếu quỹ						
Cán bộ công nhân viên	690.080	43,75%			690.080	43,75%
<b>4. Cổ đông ngoài công ty:</b>	<b>0</b>					
Cá nhân	0					
Tổ chức	0					
<b>Tổng</b>	<b>1.577.500</b>	<b>100%</b>		<b>0</b>	<b>1.577.500</b>	<b>100%</b>

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là cổ đông sở hữu cổ phần chi phối (51%) đối với Công ty CP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2018 Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư nào của chủ sở hữu.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

**5.5. Các chứng khoán khác:** không có đợt phát hành chứng khoán khác thực hiện trong năm.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, là các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo... như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

Công ty chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện

Trong đó:

- Xăng: 16.520,5 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng.
- Dầu diesel: 84.928 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng, máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng...
- Dầu nhờn, nhớt các loại: 4.213,5 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng.
- Điện: khoảng 242.007 KWh phục vụ sản xuất cho Cơ quan và các đơn vị trong toàn công ty.

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

Công ty đã ký hợp đồng mua nước tại các công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty, Đối với những khu vực (đặc biệt trên đèo Hải Vân) không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Lượng nước sử dụng trong năm 2018 khoảng: 8.066m<sup>3</sup>.

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Công ty luôn tuân thủ nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hướng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động.

Trong năm 2018, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

#### **\* Chính sách đào tạo:**

CBCNV của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân.

- Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Đối với cán bộ quản lý, Công ty có những chính sách sau:

- + Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn và dài hạn;
- + Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- + Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.

- Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

#### **\* Chế độ khen thưởng:**

Chế độ khen thưởng cho CBCNV của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm,



công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

+ Thường cho các đơn vị, cá nhân CBCNV Công ty có thành tích xuất sắc trong năm, thường sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho Công ty;

+ Thường các tập thể, cá nhân ngoài ngành đường sắt, ngoài Công ty có nhiều thành tích đóng góp thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**\* Các chế độ bảo hiểm**

+ Mọi CBCNV Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động.

+ Công ty hoạt động SXKD trong lĩnh vực giao thông đường sắt là chủ yếu, với phạm vi hoạt động trải dài từ đỉnh đèo Hải Vân đến Núi Thành (qua thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam) nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định, tạo điều kiện yên tâm công tác cho CBCNV.

**\* Sinh hoạt đoàn thể:**

+ Tại Công ty, các tổ chức như công đoàn, Đảng uỷ và đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức đoàn thể Tổng công ty đường sắt Việt Nam, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV.

+ Hàng năm, Công ty đều tổ chức các hoạt động thể thao cho CBCNV như: Tổ chức ngày hội thao của Công ty, tổ chức ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi, kỷ niệm ngày 8/3, 20/10 cho chị em nữ CNVC Công ty và thực hiện chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức cho một số CBCNV, tổ chức khám bệnh định kỳ...

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty luôn đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng... , cụ thể phụng dưỡng 02 mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia với khối sản xuất kinh doanh – Dịch vụ Trung ương đóng trên địa bàn Tỉnh, thành phố xây dựng nhà tình nghĩa; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác,... qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể CBCNV Công ty với nhau và với xã hội.

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ %	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH2018/TH2017	TH2018/KH2018
Doanh thu thuần	111.993	125.128	129.034	115,22%	103,12%



Giá vốn hàng bán	96.495	105.278	108.490	112,43%	103,05%
Doanh thu hđ tài chính	161	130	130	80,72%	100,00%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý DN	13.280	15.662	15.662	117,94%	100,00%
Lợi nhuận từ HĐKD	2.380		5.012	210,61%	
Thu nhập khác	785	150	150	19,08%	100,00%
Chi phí khác	595	1.821	1.821	305,95%	100,00%
Lợi nhuận khác	190		-1.671	-878,41%	
Lợi nhuận trước thuế	2.570	2.647	3.341	130,00%	126,23%
Lợi nhuận sau thuế	1.813	2.366	2.411	132,98%	101,90%
EPS (đồng/cổ phiếu)	845		1.090		

Năm 2018, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng đã hoàn thành kế hoạch đề ra, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng so với năm 2017. Cụ thể, doanh thu thuần đạt khoảng 129,03 tỷ đồng tăng 15,22% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế đạt mức 3,341 tỷ đồng tăng 30% so với cùng kỳ năm trước. Mặt khác, giá vốn hàng bán cũng tăng tương ứng 12,43% đạt 108,49 tỷ, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 17,94% đạt khoảng 15,66 tỷ so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu thuần tăng đạt 103,12% so với kế hoạch đặt ra, lợi nhuận sau thuế đạt 132,98%, tăng 32,98% so với cùng kỳ năm trước, và đạt 101,9% so với kế hoạch được giao khoảng 2,41 tỷ đồng. Từ đó cho thấy sự nỗ lực không ngừng trong công tác kiểm soát các chi phí đầu vào, chi phí quản lý, chi phí khác,... của Công ty và đã có nhiều chuyển biến tích cực.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1. Tình hình tài sản:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018	TH2018/TH2017
Tài sản ngắn hạn	48.125	53.708	83,81%	83,97%	111,60%
Tài sản dài hạn	9.294	10.251	16,19%	16,03%	110,30%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>57.419</b>	<b>63.959</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>111,39%</b>

Trong năm 2018, tình hình tài sản của Công ty có sự thay đổi so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản là 63,96 triệu đồng. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 53,7 triệu đồng tăng 11,60% so với năm trước. Nguyên nhân là do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 25,96% từ 30,54 tỷ đồng lên 38,47 tỷ đồng so với năm 2017. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn giảm một phần là do lượng hàng tồn kho giảm 19,1% so với năm 2017.

- Tài sản dài hạn chủ yếu là phần giá trị các tài sản cố định hữu hình, cụ thể như sau:

(ĐVT: đồng)

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1. Nhà cửa, VKT	10.599.231.695	3.778.351.107	35,65%
2. MMTB	8.345.761.087	2.638.129.489	31,61%
3. Phương tiện VT	7.018.403.159	1.787.042.049	25,46%
4. Thiết bị d.cụ QL	363.454.546	272.421.364	74,95%
<b>Cộng</b>	<b>26.326.850.487</b>	<b>8.475.944.009</b>	<b>32,20%</b>

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	1.166.108.557	1.113.698.296	95,51%
<b>Cộng</b>	<b>1.166.108.557</b>	<b>1.113.698.296</b>	<b>95,51%</b>

Tài sản dài hạn năm 2018 tăng 10,3% so với năm 2017, đạt 10,25 tỉ đồng. Tài sản dài hạn tăng trong năm chủ yếu là do Công ty đầu tư mua sắm một số tài sản về máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc,...

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018	TH2018/TH2017
Nợ ngắn hạn	34.616	45.420	87,29%	100,00%	131,21%
Nợ dài hạn	5.042	0	12,71%	0,00%	0,00%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>39.659</b>	<b>45.420</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>114,53%</b>



Trong năm 2018, tình hình nợ phải trả có xu hướng tăng so với năm 2017, mức tổng nợ phải trả trong năm 2018 đạt 45,42 tỷ đồng tăng 14,53% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Nợ ngắn hạn: đạt 45,42 tỷ đồng tăng 31,21% so với năm trước, tăng tỉ trọng từ 87,29% lên 100%, nguyên nhân chủ yếu là phần phải trả nợ dài hạn cho Tổng Công ty đường sắt Việt Nam khoảng hơn 5 tỉ đồng năm 2017, đã được Công ty chuyển trả và còn 3,9 tỷ chuyển qua nợ ngắn hạn năm 2018.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng công nghệ mới trong XDCCB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy nâng mối gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông...

- Cải tiến công cụ lao động, đưa tỷ lệ sử dụng các máy móc thay thế dần lao động chân tay.

- Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin.

- Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường êm thuận; an toàn.

- Đưa nhanh các ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhật phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác mạng internet phục vụ cho công việc; trao đổi thông tin qua internet giao ban trực tuyến với 5 điểm cầu trong công ty...

- Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.

- Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, tuần hầm, tuần cầu, gác chắn đường ngang; đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, tuần cầu hầm các quy trình bảo dưỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.

- Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kết quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thể chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.

- Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức. Phân đầu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu cao về kỹ thuật.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:



Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, về kết cấu hạ tầng như sau

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phần đầu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.

+ Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch phát triển:

+ Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng: Cải tạo, nâng cấp các tuyến hiện có. Một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân, Biên Hoà - Vũng Tàu, tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội, tuyến đường sắt phục vụ khai thác Bô xít (Đăk Nông - Bình Thuận), tuyến đường sắt Dĩ An - Lộc Ninh, tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Giạ, khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt, nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Đông Hà - Lao Bảo; các tuyến đường sắt kết nối các cảng biển, các khu công nghiệp, kinh tế, hầm mỏ mới hình thành: cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, cảng Cái Mép - Thị Vải, mỏ sắt Thạch Khê, bô xít Tây Nguyên...; mạng đường sắt đầu mối: Hà Nội (vành đai phía Đông), thành phố Hồ Chí Minh (vành đai phía Tây), Hải Phòng, Đà Nẵng, Diêu Trì; hoàn thành xây dựng một số tuyến chính đường sắt đô thị, đường sắt liên vùng vùng Thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng: Mạng đường sắt Tây Nguyên bao gồm trục chính: Đà Nẵng - Kon Tum - Đăk Lăk - Buôn Ma Thuột - Chơn Thành - thành phố Hồ Chí Minh và các tuyến nhánh Buôn Ma Thuột - Tuy Hoà, Đăk Nông - Bình Thuận; Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; Mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; Hành lang đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hạ Long - Móng Cối; Các tuyến Lạng Sơn - Quảng Ninh (Mũi Chùa), Nam Định - Thịnh Long, Mỹ Lý - Tân Kỳ...

##### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong

các hoạt động bảo vệ môi trường và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của công ty.

#### IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

##### 1.1. Tổng quan:

Năm 2018, Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức; đặc biệt việc cạnh tranh thị phần giữa các phương thức vận tải đường hàng không, đường bộ, đường sắt ngày càng gay gắt; thị phần vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường sắt ngày được nâng lên, chất lượng phục vụ khách hàng, chủ hàng được cải thiện, tư duy phục vụ có thay đổi; sự trỗi dậy, bức phá của hàng không, đường bộ, đường thủy. Đặc biệt trong năm 2018 sự cố tai nạn GTĐS có chiều hướng tăng, thiên tai, thời tiết diễn biến phức tạp trên tuyến đường sắt Thống nhất; do đó thị phần vận tải của Ngành đường sắt chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong vận tải hàng hóa, hành khách của đất nước, nhiều đơn vị trong ngành đường sắt không có việc làm, không có tiền để trả lương cho CBCNV.

Về phía Công ty, năm 2018 là năm thứ ba chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước có nhiều thay đổi về quản trị doanh nghiệp, cơ cấu lại tổ chức với rất nhiều khó khăn của đất nước và của ngành đường sắt. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Đường sắt QNĐN với sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban điều hành Công ty và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua.

##### 1.2. Những kết quả đạt được:

Năm 2018 được nhận định là năm bản lề nền móng, những thành tựu và kết quả đạt được chính là sự nỗ lực của trí tuệ và sức mạnh của tập thể, đặt nền móng vững chắc cho chặng đường phát triển những năm tiếp theo. Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2018 như sau: mặc dù trong bối cảnh chung hết sức khó khăn của nền kinh tế và các doanh nghiệp làm công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, nhưng với những giải pháp đúng đắn Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018. Bên cạnh việc luôn đảm bảo ATCT, giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu bảo dưỡng cầu đường luôn đứng từ thứ 4 → 6 toàn ngành về chất lượng cầu đường, Công ty đã chủ động đẩy mạnh tìm kiếm ký kết thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt để tăng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho CBCNV, cụ thể:

- Doanh thu đạt: 121.676 triệu đồng, đạt 103% so Nghị quyết và đạt 108% so với năm 2017.



- Lợi nhuận sau thuế đạt: 2.411 triệu đồng đạt 102% so với kế hoạch, tăng 33% so với năm 2017.

- Tiền lương bình quân của người lao động năm 2018 là: 8.185.000 đồng/người/tháng, tăng 112% so với năm 2017.

- 100% người lao động có việc làm ổn định.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai minh bạch các hoạt động SXKD trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại. Năm 2018, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Bộ máy kiểm soát đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm soát, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động SXKD của Công ty.

### **1.3. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:**

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2017, HĐQT đánh giá công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau: việc thanh quyết toán các công trình và thu hồi công nợ còn chậm, việc tìm kiếm công trình ngoài chưa được nhiều.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Ban giám đốc Công ty được giao quản lý, phụ trách các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty; các Đội DTCD, Phân đoạn Hải Vân, Xí nghiệp đã chỉ đạo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018 của các đơn vị, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch chung của Công ty năm 2018 đã đề ra.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Theo nhận định của nhiều tổ chức và chuyên gia kinh tế, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam năm 2019 được dự báo tăng trưởng bằng năm 2018, tuy nhiên nền kinh tế của chúng ta vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, bên cạnh việc thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, chúng ta cần phải duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức hợp lý. Vấn đề nợ xấu, hàng tồn kho, đình đốn sản xuất... vẫn tiếp tục là những khó khăn phải đối mặt. Năm 2019, cũng sẽ là năm thực sự khó khăn và thách thức với công ty nói riêng và ngành đường sắt nói chung, khi mà ngành đường sắt đang tiếp tục tái cơ cấu, thay đổi cơ cấu tổ chức cấp Tổng công ty, tiếp tục thoái vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, chưa có nhà đầu tư chiến lược, có uy tín đầu tư vào đường sắt, thị phần vận tải hành hóa, hành khách của ngành đường sắt đang giảm sút. Trước những khó khăn thách thức đó, HĐQT sẽ cùng với Ban điều hành công ty và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các chỉ tiêu của năm 2019, cụ thể:

- Giữ vững chất lượng cầu đường, đảm bảo an toàn chạy tàu, không có tai nạn chạy tàu do chủ quan gây ra.

- Doanh thu tăng 8%.

- Lợi nhuận sau thuế tăng 36% trở lên.

- Thu nhập tăng 7%.



- Đảm bảo 100% người lao động có việc làm ổn định.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo lộ trình Tổng công ty ĐSVN.

## V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Thực hiện quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT. Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 20 cuộc họp, ban hành 21 nghị quyết, 7 quyết định liên quan trực tiếp đến việc định hướng sản xuất kinh doanh, sử dụng nguồn khấu hao TSCĐ 2018 và các quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu cho dự án đầu tư và quyết định liên quan đến kế hoạch lao động.

Các cuộc họp của HĐQT tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 và những năm tiếp theo. Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất tại cuộc họp là định hướng quan trọng để Ban điều hành công ty tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty. Ngoài các cuộc họp nêu trên HĐQT đã thông qua các quyết định theo hình thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, HĐQT đã chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2018 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

#### \* Công tác giám sát đối với Giám đốc công ty:

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho giám đốc thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. HĐQT đã có các cuộc họp cùng với Ban giám đốc xây dựng, điều hành các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn.

Mối quan hệ quản trị và điều hành Công ty giữa HĐQT và Giám đốc công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các quy chế về quản trị công ty.

Hàng quý, Giám đốc công ty đều gửi báo cáo tài chính cho HĐQT. HĐQT cũng thường xuyên chỉ đạo Giám đốc thực hiện công tác kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

#### \* Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý:

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm trong công việc đã tham mưu cho Giám đốc kịp thời và hiệu quả.

**\* Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp, đưa ra những ý kiến khách quan góp phần vào định hướng phát triển của Công ty. Giám sát các hoạt động của Công ty và Ban điều hành công ty.

**\* Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Công ty không có tiểu ban.

**2. Ban kiểm soát:****2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Đầu năm 2018, căn cứ Điều lệ Công ty, căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, căn cứ đặc điểm tình hình của Công ty, Ban kiểm soát lập chương trình kiểm soát năm 2018. Ban kiểm soát triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2018 của Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2018 theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018.

2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HDQT và Ban Điều hành.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo quý, 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2018 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc.

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát như quy chế đã quy định, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2018.

Ngoài ra, Trưởng BKS được tham dự các cuộc họp của HDQT.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HDQT, Ban Giám đốc cũng như các phòng ban nghiệp vụ để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

**2.2. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HDQT, Ban giám đốc:****\* Hội đồng quản trị:**

HDQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

Các nghị quyết của HDQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HDQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Về thẩm định báo cáo đánh giá công tác hoạt động của HDQT, Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

Trong năm qua, HDQT đã tích cực triển khai nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HDQT.



Hàng quý HĐQT họp theo định kỳ, kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác quý trước và đề ra chương trình của quý sau, trong năm HĐQT còn có nhiều cuộc họp đột xuất. Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong Biên bản cuộc họp và có Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao cho Giám đốc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, HĐQT kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2018 về các mặt của Công ty, trong đó nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2019.

*\* Ban Giám đốc và cán bộ quản lý:*

Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả tương đối ổn định và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT giao. Giám đốc hợp Ban điều hành bàn bạc, thống nhất phân công, chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc triển khai cụ thể các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao.

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm.

## **VI. Báo cáo tài chính**





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd  
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT  
QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 36

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/01/2019

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải. Là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ: 15.775.000.000 VND.

Số lượng cổ phiếu: 1.577.500 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND.

Mã chứng khoán: DNR

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Tý	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Văn Sơn	Thành viên HĐQT

**Ban kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Quốc Khánh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Võ Thị Hồng Linh	Thành viên Ban kiểm soát

**Ban điều hành, quản lý**

Ông Nguyễn Xuân Bình	Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/01/2019
Ông Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc	Đến ngày 31/12/2019
	Quyền Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2019
Ông Kiều Thượng	Phó Giám đốc	
Ông Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc	
Bà Phan Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ông Nguyễn Xuân Bình - Giám đốc (đến hết ngày 31/12/2018) và Ông Huỳnh Văn Sơn - Quyền Giám đốc (kể từ ngày 01.01/2019).

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH- Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Huỳnh Văn Sơn**

Quyền Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
 AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.



Số: 072/2019/BCKT-PB.00013

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
 Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trong yếu tố hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về liệu kết quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Hà Nội City Office \* Tel: +84 24 1 200 2016 \* Email: pkf.afc@pkf.com.vn  
 709, Sunrise Building \* D11, Trai Thai Tong Street \* Dich Vong Hao Ward \* Cau Giay District \* Hanoi \* Website: pkf.afcvietnam.vn

PKF – AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member firm of the PKF International Limited family of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member firm or firm.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Tuấn Vũ**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

**Lê Việt Cường**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2478-2018-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 195 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>53.707.801.785</b>	<b>48.124.974.639</b>
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.342.607.650	1.563.184.412
1. Tiền	111		342.607.650	1.563.184.412
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>40.578.163.248</b>	<b>33.449.983.637</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	38.468.208.743	30.538.966.400
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	105.660.000	25.800.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.366.477.376	3.055.284.175
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(362.182.871)	(170.065.938)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	10.070.022.505	12.447.332.166
1. Hàng tồn kho	141		10.070.022.505	12.447.332.166
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		717.008.382	664.474.474
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	717.008.382	30.895.545
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	-	633.578.929
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.251.160.547</b>	<b>9.293.661.890</b>
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		9.589.642.305	6.680.647.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	8.475.944.009	6.387.458.486
- Nguyên giá	222		28.326.850.487	22.623.314.669
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.850.906.478)	(16.235.856.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.113.698.296	293.188.739
- Nguyên giá	228		1.166.108.557	325.825.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.410.261)	(32.636.261)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		661.518.242	1.641.308.168
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.6	644.415.574	690.887.305
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	17.102.668	950.420.863
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		-	971.706.497
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	-	971.706.497
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>63.958.962.332</b>	<b>57.418.636.579</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
 Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>45.419.719.106</b>	<b>39.658.657.371</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>45.419.719.106</b>	<b>34.616.436.357</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	20.343.703.604	21.916.070.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	511.816.883	20.296.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	5.176.443.255	2.021.845.195
4. Phải trả người lao động	314		13.628.683.613	4.596.866.722
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	178.980.630	217.441.521
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	3.124.090.945	2.831.886.691
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	3.795.000.000	2.200.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		661.000.176	812.027.268
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>5.042.221.014</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	-	5.042.221.014
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>18.539.243.226</b>	<b>17.759.979.208</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>18.539.243.226</b>	<b>17.759.979.208</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.775.000.000	15.775.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.775.000.000	15.775.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		353.331.300	172.051.300
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.410.911.926	1.812.927.908
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.410.911.926	1.812.927.908
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>63.958.962.332</b>	<b>57.418.636.579</b>



Huỳnh Văn Sơn  
 Quyền Giám đốc  
 Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Phan Thị Lan Hương  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh  
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	129.034.031.073	111.993.193.682
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.034.031.073	111.993.193.682
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	108.489.619.003	96.494.886.717
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.544.412.070	15.498.306.965
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	130.071.473	161.137.502
7. Chi phí tài chính	22	6.4	131.609.108	87.932.418
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		131.609.108	87.932.418
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	15.530.572.110	13.191.608.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.012.302.325	2.379.903.561
11. Thu nhập khác	31	6.6	149.821.254	785.417.608
12. Chi phí khác	32	6.7	1.820.920.753	595.175.854
13. Lợi nhuận khác	40		(1.671.099.499)	190.241.754
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.341.202.826	2.570.145.315
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	930.290.900	757.217.407
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.410.911.926	1.812.927.908
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.090	845
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.090	845



Huỳnh Văn Sơn  
 Quyền Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Phan Thị Lan Hương  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh  
 Người lập biểu



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.341.202.826	2.570.145.315
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.681.849.995	1.657.081.000
- Các khoản dự phòng	03	192.116.933	170.065.938
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(130.071.473)	(161.137.502)
- Chi phí lãi vay	06	131.609.108	87.932.418
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.216.707.389	4.324.087.169
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.686.717.615)	(5.003.011.440)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.377.309.661	8.262.848.249
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	1.575.493.699	(17.733.517.789)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	285.593.660	1.171.180.315
- Tiền lãi vay đã trả	14	(131.609.108)	(71.537.697)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(580.208.663)	(661.990.251)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(831.700.000)	(432.206.522)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.424.869.023	(10.144.147.666)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.221.827.218)	(1.259.936.195)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	130.071.473	161.137.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.091.755.745)	(1.098.798.693)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	17.676.420.000	13.055.643.988
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.081.420.000)	(15.964.945.481)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.148.690.040)	(1.100.432.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	446.309.960	(4.009.734.393)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	779.423.238	(15.252.680.752)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.563.184.412	16.815.865.164
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.342.607.650	1.563.184.412



Huỳnh Văn Sơn  
Quyền Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Phan Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh  
Người lập biểu

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/01/2019

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 3 là 15.775.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 05/04/2016 với mã chứng khoán là DNR, số lượng cổ phiếu là 1.577.500 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ công trình thủy lợi, công trình dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2018 không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6 Cấu trúc Công ty**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
XI nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ	Số 196, đường Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **1.7 Nhân viên**

Số lao động bình quân trong năm 2018 là 588 người, năm 2017 là 618 người. Số lao động thực tế tại ngày 31/12/2018 là 577 người, tại ngày 01/01/2018 là 588 người.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền các định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai có sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 38
Máy móc thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng – Thành phố Đà Nẵng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản*

Các chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 2351/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm, bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 04/01/2016).

##### *Chi phí trả trước khác*

Các chi phí khác phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế hoạch vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tắc.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

**4.11 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.12 Doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp***Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**4.14 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.15 Công cụ tài chính***Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
 Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phải sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**4.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng trong quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	64.518.818	65.791.394
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	278.088.832	1.497.393.018
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
<i>Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>2.342.607.650</b>	<b>1.563.184.412</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
 Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>23.898.427.842</b>	-	<b>12.550.240.200</b>	-
Chi nhánh vận tải Đường sắt Đà Nẵng - Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn	136.278.000	-	-	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	22.729.784.420	-	11.897.597.200	-
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	573.883.422	-	652.643.000	-
Công ty CP TTH Đường sắt Đà Nẵng	458.482.000	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>14.569.780.901</b>	<b>(336.382.871)</b>	<b>17.988.725.200</b>	<b>(144.265.938)</b>
Công ty CP Licoji 16	-	-	2.778.000.000	-
Công ty CP Công trình 875	1.038.631.700	-	514.998.000	-
Công ty TNHH Thanh Túng	1.274.040.000	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.257.109.201	(336.382.871)	14.695.727.200	(144.265.938)
<b>Cộng</b>	<b>38.468.208.743</b>	<b>(336.382.871)</b>	<b>30.538.965.400</b>	<b>(144.265.938)</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>79.860.000</b>	-	-	-
Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn - Hòa vận ga Núi Thành	79.860.000	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>25.800.000</b>	<b>(25.800.000)</b>	<b>25.800.000</b>	<b>(25.800.000)</b>
Công ty TNHH Tân Hữu Phú	25.800.000	(25.800.000)	25.800.000	(25.800.000)
<b>Cộng</b>	<b>105.660.000</b>	<b>(25.800.000)</b>	<b>25.800.000</b>	<b>(25.800.000)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.4 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>1.215.155.000</b>	-	<b>1.801.560.000</b>	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi phí vật tư thu hồi	1.215.155.000	-	1.801.560.000	-
<b>Các bên khác</b>	<b>1.151.322.376</b>	-	<b>1.253.724.175</b>	-
Kỳ quỹ, kỳ cước (i)	781.352.900	-	781.352.900	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	3.460.000	-	68.351.000	-
Chi phí giải quyết sự cố tai nạn ga Núi Thành	267.815.182	-	-	-
Phải thu bồi thường tai nạn trật bánh km 871+180	-	-	340.647.060	-
Phải thu khác	98.694.294	-	63.373.215	-
<b>Cộng</b>	<b>2.366.477.376</b>	-	<b>3.055.284.175</b>	-

(i) Khoản kỳ quỹ để bảo lãnh dự thầu công trình Km 995: Theo Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp bảo lãnh năm 2018, Thư bảo lãnh có hiệu lực đến khi có phê duyệt quyết toán chính thức Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Ban QLDA KV2 và có báo cáo kết luận từ các đơn vị thanh tra, kiểm toán nhà nước. Thời hạn bảo lãnh tạm tính đến hết 31/12/2019.

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2018		01/01/2018			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>						
<b>Các bên khác</b>		<b>362.182.871</b>	<b>362.182.871</b>		<b>188.467.938</b>	<b>170.065.938</b>
Công ty TNHH Trọng Hoàng	trên 3 năm	55.050.000	55.050.000	trên 3 năm	55.050.000	55.050.000
Công ty Sông Thu	trên 3 năm	25.506.175	25.506.175	trên 3 năm	25.506.175	25.506.175
Công ty CP Xây dựng Công trình và Đầu tư 120	trên 3 năm	61.340.000	61.340.000	Từ 2-3 năm	61.340.000	42.938.000
Công ty TNHH Weixernsin Phạm Su Mạnh	trên 3 năm	20.771.763	20.771.763	trên 3 năm	20.771.763	20.771.763
Công ty TNHH Tân Hữu Phú	trên 3 năm	25.800.000	25.800.000	trên 3 năm	25.800.000	25.800.000
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1	trên 3 năm	173.714.933	173.714.933			
<b>Cộng</b>		<b>362.182.871</b>	<b>362.182.871</b>		<b>188.467.938</b>	<b>170.065.938</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu năm	170.065.938	-
Trích lập trong năm	192.116.933	170.065.936
Hoàn nhập trong năm	-	-
Điều chỉnh khác	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>362.182.871</b>	<b>170.065.938</b>

#### 5.6 Hàng tồn kho

##### 5.6.1 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.367.116.199	-	5.127.683.548	-
Công cụ, dụng cụ	1.182.038.678	-	1.250.895.087	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.520.867.628	-	6.068.753.531	-
<b>Cộng</b>	<b>10.070.022.505</b>	<b>-</b>	<b>12.447.332.166</b>	<b>-</b>

##### 5.6.2 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND		Giá gốc VND	
CT tháo dỡ lắp đặt 4 bộ ghi Nông Sơn km 813+630	369.540.853		369.540.853	
CT thi công lắp đặt ống cống km 884+345	153.467.448		153.467.448	
CT phòng vệ cảnh Vạn Tường	-		167.879.004	
CT đường ngang km 787+610 - Bệnh viện ung bướu	121.407.273		-	
<b>Cộng</b>	<b>644.415.574</b>	<b>-</b>	<b>690.887.305</b>	<b>-</b>

#### 5.7 Chi phí trả trước

##### 5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	232.323.600	-
Chi phí sửa chữa tài sản	221.188.182	-
Chi phí thuê bao internet	170.638.300	-
Các khoản khác	92.858.300	30.895.545
<b>Cộng</b>	<b>717.008.382</b>	<b>30.895.545</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Lợi thế kinh doanh	-	971.706.497
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>971.706.497</b>

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2018	325.825.000	325.825.000
Mua trong năm	840.283.557	840.283.557
Số dư tại 31/12/2018	<u>1.166.108.557</u>	<u>1.166.108.557</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>		
Số dư tại 01/01/2018	32.636.261	32.636.261
Khấu hao trong năm	19.774.000	19.774.000
Số dư tại 31/12/2018	<u>52.410.261</u>	<u>52.410.261</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/01/2018	293.188.739	293.188.739
Số dư tại 31/12/2018	<u>1.113.698.296</u>	<u>1.113.698.296</u>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 là 0 VND. tại 01/01/2018 là 0 VND.

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Xây dựng cơ bản	17.102.668	950.420.863
Nhà làm việc cùng đường Thanh Khê	-	933.318.195
Nhà làm việc Ngõ Thi Nhậm	17.102.668	17.102.668
<b>Cộng</b>	<b>17.102.668</b>	<b>950.420.863</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**  
 Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
	<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
	Số dư tại 01/01/2018	8.925.765.268	7.454.851.996	5.812.443.159	430.254.546	22.623.314.969
	Mua trong kỳ	-	890.909.091	1.205.960.000	-	2.096.869.091
	Đầu tư XD/CB hoàn thành Thanh lý, nhượng bán	1.673.466.427	-	-	(66.800.000)	1.673.466.427 (66.800.000)
	Số dư tại 31/12/2018	10.599.231.695	8.345.761.087	7.018.403.159	363.454.546	26.326.850.487
	<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>					
	Số dư tại 01/01/2018	6.211.444.988	5.043.107.048	4.872.198.376	109.106.071	16.235.856.483
	Khấu hao trong năm Thanh lý, nhượng bán	609.435.600	664.524.550	359.162.734	48.727.111	1.681.849.995 (66.800.000)
	Số dư tại 31/12/2018	6.820.880.588	5.707.631.598	5.231.361.110	91.033.182	17.850.905.478
	<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
	Số dư tại 01/01/2018	2.714.320.280	2.411.744.948	940.244.783	321.148.475	6.387.458.486
	Số dư tại 31/12/2018	3.778.351.107	2.638.129.489	1.787.042.049	272.421.364	8.475.944.000

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 là 3.220.197.532 VND, tại 01/01/2018 là 0 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>2.554.887.441</b>	<b>2.554.887.441</b>	<b>2.132.013.181</b>	<b>2.132.013.181</b>
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm - Xi nghiệp Cao su Đường sắt	174.729.200	174.729.200	224.729.200	224.729.200
Trung tâm Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ	17.500.000	17.500.000	165.995.000	165.095.000
Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên - CN Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	27.604.321	27.604.321	-	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.703.935.920	1.703.935.920	1.102.782.981	1.102.782.981
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	-	-	7.388.000	7.388.000
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	631.118.000	631.118.000	631.118.000	631.118.000
<b>Các bên khác</b>	<b>17.788.816.163</b>	<b>17.788.816.163</b>	<b>19.784.057.779</b>	<b>19.784.057.779</b>
Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	5.743.519.197	5.743.519.197	5.088.278.697	5.088.278.697
Công ty CP Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	3.868.207.878	3.868.207.878	3.026.284.435	3.026.284.435
Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	3.562.389.600	3.562.389.600
Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt	-	-	3.243.240.000	3.243.240.000
Phải trả cho các đối tượng khác	8.177.089.088	8.177.089.088	4.863.865.047	4.863.865.047
<b>Cộng</b>	<b>20.343.703.604</b>	<b>20.343.703.604</b>	<b>21.916.070.960</b>	<b>21.916.070.960</b>

## 5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>418.566.883</b>	<b>418.566.883</b>	<b>20.296.000</b>	<b>20.296.000</b>
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	418.566.883	418.566.883	20.296.000	20.296.000
<b>Các bên khác</b>	<b>93.250.000</b>	<b>93.250.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty CP Đạt Phương	93.250.000	93.250.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>511.816.883</b>	<b>511.816.883</b>	<b>20.296.000</b>	<b>20.296.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	25.810.630	16.394.521
Chi phí tiền án giữ ca, bồi dưỡng hiện vật, vệ sinh lao động	97.346.000	201.047.000
Chi phí vận chuyển đá	55.824.000	-
<b>Cộng</b>	<b>178.980.630</b>	<b>217.441.521</b>

**5.14 Phải trả khác**

**5.14.1 Phải trả khác ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>2.293.580.455</b>	<b>2.293.580.455</b>	<b>1.986.299.692</b>	<b>1.986.299.692</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.293.580.455	2.293.580.455	1.986.299.692	1.986.299.692
<b>Các bên khác</b>	<b>830.510.490</b>	<b>830.510.490</b>	<b>845.588.999</b>	<b>845.588.999</b>
Kinh phí công đoan	158.317.000	158.317.000	154.142.000	154.142.000
Bảo hiểm xã hội	286.340.659	286.340.659	233.498.041	233.498.041
Bảo hiểm y tế	43.650.324	43.650.324	32.874.066	32.874.066
Bảo hiểm thất nghiệp	14.963.647	14.963.647	10.510.332	10.510.332
Chi phí vật tư thu hồi	320.536.800	320.536.800	408.775.800	408.775.800
Cổ tức phải trả	6.702.060	6.702.060	3.817.100	3.817.100
Phải trả khác	-	-	1.971.660	1.971.660
<b>Cộng</b>	<b>3.124.090.945</b>	<b>3.124.090.945</b>	<b>2.831.888.691</b>	<b>2.831.888.691</b>

**5.14.2 Phải trả khác dài hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.042.221.014</b>	<b>5.042.221.014</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Tiền vay Áo	-	-	5.042.221.014	5.042.221.014
<b>Các bên khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.042.221.014</b>	<b>5.042.221.014</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu cuối năm VND		Số phải nộp cuối năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		Số phải nộp trong năm VND		Số phải thu đầu năm VND		Số phải nộp đầu năm VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.269.617.875	-	7.380.316.700	8.129.958.143	-	-	-	-	-	1.496.976.432
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	872.951.000	-	580.208.663	930.290.900	-	-	-	-	-	522.868.763
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	34.874.380	-	69.693.129	106.539.169	-	-	1.971.660	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	-	-	1.622.478.540	1.622.478.540	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	-	-	2.590.842.309	3.222.449.578	-	-	631.607.269	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>3.176.443.255</b>	-	<b>12.227.539.341</b>	<b>14.015.716.330</b>	-	-	<b>633.578.929</b>	-	-	<b>2.021.845.195</b>

**5.16 Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng (i)	3.795.000.000	3.795.000.000	17.676.420.000	16.081.420.000	2.200.000.000	2.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.795.000.000</b>	<b>3.795.000.000</b>	<b>17.676.420.000</b>	<b>16.081.420.000</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>2.200.000.000</b>

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT480-DUONGSAT QN-DN ngày 27/07/2018 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

- Hạn mức khoản vay 15.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 21/04/2018, thời hạn vay của từng khoản là đa 06 tháng;
- Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Lãi suất 8%/năm.

Biên pháp bảo đảm:

- Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho, các quyền và lợi ích phát sinh theo hợp đồng thế chấp số 01/2016-HĐTC/NHCT480-DUONG SAT QNDN ngày 05/05/2016;
- Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng theo hợp đồng thế chấp số 02/2016-HĐTC/NHCT480-DUONG SAT QNDN ngày 05/05/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### 5.17 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2017	15.775.000.000	-	1.720.513.032	17.495.513.032
Lãi trong năm trước	-	-	1.812.927.908	1.812.927.908
Chia cổ tức (i)	-	-	(1.104.250.000)	(1.104.250.000)
Trích lập quỹ (i)	-	172.051.300	(616.263.032)	(444.211.732)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>172.051.300</b>	<b>1.812.927.908</b>	<b>17.759.979.208</b>
Số dư tại 01/01/2018	15.775.000.000	172.051.300	1.812.927.908	17.759.979.208
Lãi trong năm nay	-	-	2.410.911.926	2.410.911.926
Chia cổ tức (ii)	-	-	(1.151.575.000)	(1.151.575.000)
Trích lập quỹ (ii)	-	181.280.000	(661.352.908)	(480.072.908)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>353.331.300</b>	<b>2.410.911.926</b>	<b>18.539.243.226</b>

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 13/04/2017:

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	444.211.732
Trích quỹ đầu tư phát triển	172.051.300
Chia cổ tức	1.104.250.000
<b>Tổng</b>	<b>1.720.513.032</b>

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26/04/2018:

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	430.072.908
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	50.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	181.280.000
Chia cổ tức	1.151.575.000
<b>Tổng</b>	<b>1.812.927.908</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
 Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của công ty mẹ - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	804.525	8.045.250.000	51%	804.525	8.045.250.000	51%
Vốn góp của cổ đông khác	772.975	7.729.750.000	49%	772.975	7.729.750.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>1.577.500</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.577.500</b>	<b>15.775.000.000</b>	<b>100%</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	15.775.000.000	15.775.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	15.775.000.000	15.775.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.151.575.000	1.104.250.000

**Cổ phiếu**

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.577.500	1.577.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

**5.18.1 Nợ khó đòi đã xử lý**

Đối tượng	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Nguyên nhân xóa sổ	Giá trị VND	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty ĐT&XD đô thị Quảng Nam	27.374.000	đã ngừng hoạt động	27.374.000	đã ngừng hoạt động
Công ty ĐT&XD CTN thuộc Bộ xây dựng	89.379.000	đã ngừng hoạt động	89.379.000	đã ngừng hoạt động
Công ty thi công cơ giới - TCT XD số 1	35.000.080	đã giải thể	35.000.080	đã giải thể
<b>Cộng</b>	<b>151.753.080</b>		<b>151.753.080</b>	



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	121.188.864.984	94.815.602.727
Doanh thu hoạt động khác	7.845.166.089	17.177.590.955
<b>Cộng</b>	<b><u>129.034.031.073</u></b>	<b><u>111.993.193.682</u></b>

**6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	122.073.209.530	94.815.602.727
Ban QLDA Đường sắt Khu vực 2 - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	10.205.806.636
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	161.026.364	254.276.364
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	645.312.727	593.311.816
Chi nhánh vận tải Đường sắt Đà Nẵng - Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn	175.707.273	-
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	598.620.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>123.653.875.894</u></b>	<b><u>105.868.997.545</u></b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	131.644.594.531	78.285.567.975
Giá vốn hoạt động khác	6.845.024.472	18.209.318.742
<b>Cộng</b>	<b><u>138.489.619.003</u></b>	<b><u>96.494.886.717</u></b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	130.071.473	161.137.502
<b>Cộng</b>	<b><u>130.071.473</u></b>	<b><u>161.137.502</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 198 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	131.609.108	87.932.418
<b>Cộng</b>	<b>131.609.108</b>	<b>87.932.418</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.094.857.300	6.339.879.729
Tiền thuê, tiền thuê sử dụng đất	1.364.641.919	1.486.851.876
Phân bổ giá trị lợi thế doanh nghiệp	971.706.497	971.706.497
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.099.366.394	4.393.170.386
<b>Cộng</b>	<b>15.530.572.110</b>	<b>13.191.608.488</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu từ nhượng bán vật tư	-	87.321.063
Thu từ các dịch vụ khác	-	698.096.545
Các khoản khác	149.821.254	-
<b>Cộng</b>	<b>149.821.254</b>	<b>785.417.608</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giảm trừ phí, lãi vay Dự án ODA theo thông báo thẩm định quyết toán NSNN năm 2015, 2016 của Bộ Giao thông vận tải	1.240.003.147	-
Chi nhượng bán vật tư	-	79.972.776
Chi các dịch vụ khác	-	410.185.357
Chi phí xử lý tai nạn trật bánh km 871+180	340.647.060	-
Các khoản nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước	68.812.224	87.045.000
Các khoản khác	171.458.322	17.972.722
<b>Cộng</b>	<b>1.820.920.753</b>	<b>595.175.854</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.341.202.826	2.570.145.315
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	1.310.250.051	301.750.500
Các khoản điều chỉnh tăng	1.310.250.051	301.750.500
Giảm trừ giá trị quyết toán công trình	1.240.003.147	-
Các khoản chi phí không được trừ	70.246.904	105.017.722
Các khoản tăng khác	-	196.732.778
Thu nhập tính thuế TNDN	4.651.452.877	2.871.895.815
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	<u>930.290.900</u>	<u>574.379.163</u>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	182.838.244
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>930.290.900</u>	<u>757.217.407</u>
6.9 Lãi trên cổ phiếu	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.410.911.926	1.812.927.908
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.410.911.926	1.812.927.908
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(691.500.000)	(480.072.908)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.577.500	1.577.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.090</u>	<u>845</u>
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.090</u>	<u>845</u>

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông - Nghị quyết ngày 26/04/2018 tại phiên họp thường niên năm 2018.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### 6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.852.274.168	27.715.140.220
Chi phí nhân công	68.446.141.871	63.322.090.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.701.623.995	1.657.081.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.462.829.575	1.188.455.895
Chi phí khác bằng tiền	12.043.262.968	9.986.642.153
Chi phí dự phòng	192.116.933	170.065.933
<b>Cộng</b>	<b>119.698.249.510</b>	<b>104.039.475.370</b>

#### 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### Các loại công cụ tài chính của Công ty

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu tạo gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

##### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro khác về giá, chẳng hạn rủi ro về giá chứng khoán.

##### Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

##### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa: thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

##### Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Hiện tại, Công ty không đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
 Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn chênh lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời gian thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	3.795.000.000	-	-	3.795.000.000
Phải trả người bán	20.343.703.604	-	-	20.343.703.604
Phải trả khác và Chi phí phải trả	2.799.799.945	-	-	2.799.799.945
<b>Cộng</b>	<b>26.938.503.549</b>	-	-	<b>26.938.503.549</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	2.200.000.000	-	-	2.200.000.000
Phải trả người bán	21.916.070.960	-	-	21.916.070.960
Phải trả khác và Chi phí phải trả	2.618.305.773	5.042.221.014	-	7.660.526.787
<b>Cộng</b>	<b>26.734.376.733</b>	<b>5.042.221.014</b>	-	<b>31.776.597.747</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
 Số 195 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	38.131.825.872	30.394.699.462	38.131.825.872	30.394.699.462
<i>Phải thu về cho vay</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	2.363.017.376	2.986.933.175	2.363.017.376	2.986.933.175
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	2.342.607.650	1.563.184.412	2.342.607.650	1.563.184.412
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.837.450.898</b>	<b>34.944.817.049</b>	<b>42.837.450.898</b>	<b>34.944.817.049</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ				
<i>Phải trả người bán</i>	20.343.703.604	21.916.070.960	20.343.703.604	21.916.070.960
<i>Phải trả khác và Chi phí phải trả</i>	2.799.799.945	7.660.526.787	2.799.799.945	7.660.526.787
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.938.503.549</b>	<b>31.776.597.747</b>	<b>26.938.503.549</b>	<b>31.776.597.747</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG  
 Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

**8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình - XN Sản xuất vật liệu và Xây Dựng tổng hợp	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Thông tin tin hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm - XN Cao su Đường sắt	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - XN Toa xe Đà Nẵng	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - CN Vận tải Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con thuộc Tổng Công ty
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Hòa vận Ga Núi Thành	Công ty con thuộc Tổng Công ty
CN TCT ĐSVN - Xí nghiệp đầu máy Yên Viên	Đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng Công ty
Ban QLDA Đường sắt KV2	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Trung tâm đào tạo nghề Đà Nẵng - Trường Cao đẳng nghề Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty

**8.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	1.760.909.000	1.544.800.400

Công ty không có giao dịch và số dư phải thu/phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt.

**8.2.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 6.1, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
Thu tiền hoạt động SCTX	114.999.715.078	108.790.763.847
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	7.841.525.878	-
Kinh phí hỗ trợ cảnh giới đường ngang, đảm bảo an toàn chạy tàu năm 2017	142.476.000	42.312.000
Chi phí thuê sử dụng tài sản	263.094.548	576.183.359
Chi phí thuê máy dự án Pháp	758.645.533	426.346.614
Trả tiền thuê máy dự án Pháp	-	789.366.625
Điều chỉnh giảm chi phí thuê máy dự án Pháp năm 2016	290.449.409	-
Điều chỉnh giảm chi phí thuê máy nâng giết chèn đường năm 2015	2.200.153.768	-
Giá trị ray nhập về	8.370.694.880	-
Giá trị ray xuất đúng	7.638.259.078	-
Trả cổ tức	587.303.250	563.167.530
Trả các khoản nợ khác	-	1.737.029.375
Trả nợ tiền ray Áo	3.000.000.000	14.000.000.000
<b>Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên</b>		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	-	351.077.000
Điều chỉnh giảm giá trị cho thuê MMTB ODA năm 2015, 2016	523.090.803	-
<b>Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình</b>		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	-	986.229.000
Điều chỉnh giảm giá trị cho thuê MMTB ODA năm 2015, 2016	716.912.344	-
<b>Công ty CP Đường sắt Hà Hải</b>		
Chi phí thuê máy	-	6.716.334
Trả tiền thuê máy	7.388.000	6.845.000
<b>Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa</b>		
Trả tiền thi công công trình	-	568.353.000
<b>Công ty CP Đường sắt Quảng Bình - XN Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp</b>		
Mua vật tư	341.320.000	237.440.000
Trả tiền mua vật tư	375.452.000	261.184.000
<b>Công ty CP TTH Đường sắt Đà Nẵng</b>		
Trả tiền thi công công trình	-	900.000.000
Thu tiền công trình cải tạo 5 ĐN km 800,810,832,839,896	200.000.000	-
<b>Công ty CP Xe lửa Gia Lâm - Xi nghiệp Cao su đường sắt</b>		
Trả tiền mua vật tư	50.000.000	200.000.000
<b>Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - XN Tọa xe Đà Nẵng</b>		
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng máy chèn	16.757.000	-
Trả tiền sửa chữa, bảo dưỡng máy chèn	18.432.700	-
<b>Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn- Hóa vận ga Núi Thành</b>		
Cước vận chuyển đá	1.003.608.000	347.051.000
Trả tiền cước vận chuyển đá	1.183.828.800	381.756.100
<b>Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn - CN Vận tải Đường sắt Đà Nẵng</b>		
Thu tiền công trình hệ thống cấp nước cho đường 4 ga ĐN	57.000.000	-
<b>CN TCT ĐSVN - Xi nghiệp đầu máy Yên Viên</b>		
Chi phí kiểm tra chất lượng cầu đường	25.094.837	-
<b>Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2</b>		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	-	5.074.021.000
<b>Trung tâm Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ Đường sắt Đà Nẵng</b>		
Chi phí đào tạo	17.500.000	58.905.000
Trả tiền đào tạo	165.995.000	100.000.000
<b>Trung tâm Y tế Đường sắt</b>		
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	101.530.000	-
Trả tiền khám sức khỏe định kỳ	101.530.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.4, 5.11, 5.12, 5.14.

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**8.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu được trình bày lại, nguyên nhân như đã nêu tại mục 6.9 - Lãi trên cổ phiếu.

TT	Khoản mục	Mã số	Số theo BCKIT năm 2017	Số trình bày lại	Chênh lệch
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	877	845	(32)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	877	845	(32)

**8.5 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Huỳnh Văn Sơn  
 Quyền Giám đốc  
 Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Phan Thị Lan Hương  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh  
 Người lập biểu



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 



**Q. GIÁM ĐỐC**  
**Huỳnh Văn Sơn**